

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-PT
Ngày 26-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân,

Ông Hoàng Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Lại Thị P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2021/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng

- Bị cáo có kháng cáo:

Lại Thị P, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1968 tại huyện D, Thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm C, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Đức P (đã chết) và bà Tô Thị T, sinh năm 1945; có chồng: Đàm Văn K, sinh năm 1961 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Lại Thị P có tập trung một số nhân công để bốc vác hàng hóa sang Trung Quốc, đồng thời bị cáo cũng cho thuê nhà trọ tại Cửa khẩu L, huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo hình thức trả theo ngày với giá 12.000đ/01 người/01 ngày. Khách đến trọ chủ yếu là người dân tộc Dao ở các huyện B, L của tỉnh Cao Bằng và huyện E của tỉnh G đến để làm thuê bốc vác. Do điều kiện an ninh nên các giấy tờ tùy thân, giấy tờ xe và tiền công có được từ việc bốc vác, những người đến trọ nhà P thường nhờ P giữ giúp. Vào khoảng thời gian từ 03/4/2018 đến 15/4/2018, do việc làm ăn gặp khó khăn, không có thu nhập và do nợ tiền công bốc vác của công nhân nên P đã nảy sinh ý định lấy xe máy của người thuê trọ tại nhà của mình để đem đi cầm cố. P đã sử dụng thủ đoạn giả vờ hỏi mượn xe đi có việc, khách tin tưởng cho mượn, khi có tài sản P đã mang đến hiệu cầm đồ cầm cố lấy tiền trang trải nợ nần và tiêu sài cá nhân. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/4/2018, P đến gặp và nói dối Hoàng Tồn N (là khách trọ của nhà P) cho mượn xe máy để đi có việc, được N đồng ý, P hỏi thêm về giấy tờ xe thì N nói đã gửi P trước đó. Có được xe và giấy tờ, P một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 97B1-337.xx của N đến hiệu cầm đồ I tại xóm P II, thị trấn U, huyện A (nay là tổ dân phố 5, thị trấn U, huyện Q), tỉnh Cao Bằng để cầm cố. P giao dịch trực tiếp với Nguyễn Thúy T (vợ của Phạm Văn I - Chủ hiệu cầm đồ). Khi giao dịch, T hỏi P có phải chủ tài sản không thì P nói chủ chiếc xe có việc cần gấp, hiện không ở nên nhờ P lấy xe đi cầm cố giúp nên T đồng ý cầm cố chiếc xe máy nêu trên và trả cho P số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc cầm cố xe P đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết, P cũng không nói cho N biết việc mình đã mang xe của N đi cầm cố.

Lần thứ hai: Vào ngày 09/4/2018, Lại Thị P nảy sinh ý định lừa lấy chiếc xe máy Biển kiểm soát 11M1-015.xx của Phùng Cờ A cũng là khách thuê trọ tại nhà P đem đi cầm cố. P đến gặp A và nói “cho cô mượn xe, lúc nào về bảo cô trước một ngày”, A đồng ý, P hỏi thêm giấy tờ xe và lấy rõ đựng giấy tờ ra thì A cầm lấy giấy tờ đăng ký xe mô tô đưa cho P. Sau khi nhận được xe và giấy tờ đăng ký xe, P rủ thêm một người đàn ông là khách ở trọ tại nhà mình (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đi cùng mục đích nếu chủ hiệu cầm đồ hỏi về chiếc xe thì P sẽ nói đó là chủ hợp pháp của xe. Khi đi P không nói mục đích cho người đó biết, chỉ nói đi cùng cho vui. Sau đó, P đi xe máy mượn của A, còn người đàn ông đó đi xe máy của mình cùng P đi đến hiệu cầm đồ I để giao dịch. Khi vào cầm cố chiếc xe, P nói với Trình chủ tiệm cầm đồ rằng người đàn ông là chủ tài sản. Khi giao dịch, P là người trực tiếp giao dịch với T, còn khi ký hợp đồng cầm cố thì P

nhờ người đàn ông đi theo ký hợp đồng giúp. Sau khi làm thủ tục giao dịch xong, T nhất trí cầm cố chiếc xe trên với giá 10.000.000 đồng và đưa số tiền cầm cố xe cho người đàn ông. Giao dịch xong người đàn ông đó điều khiển xe máy chở P về nhà trọ. Về đến nhà, P bảo người đó đưa cho P toàn bộ số tiền vừa cầm cố xe có được cho P. Người đó không được hưởng lợi gì từ việc giúp P ký hợp đồng cầm cố chiếc xe nêu trên.

Lần thứ ba: Vào buổi trưa ngày 12/4/2018, cũng với thủ đoạn nêu trên. Lại Thị P đến gặp Triệu Văn E và Triệu Văn H (H là anh trai của E) với mục đích mượn xe máy Biển kiểm soát 11M1-021.xx của Triệu Văn E đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khi gặp E, P hỏi E “cho cô mượn xe đi có chút việc” lúc đó H cũng có mặt ở đó. Do tin tưởng P nên cả hai anh em đều đồng ý. Sau khi mượn được xe, P tiếp tục gọi một nam thanh niên khách trọ tại nhà của mình đi cùng để hợp thức hóa việc cầm cố xe máy như lần trước. P là người giao dịch với T - là vợ chủ hiệu cầm đồ. Qua trao đổi, T nhất trí cầm cố chiếc xe cho P với giá là 11.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng cầm cố, P bảo nam thanh niên ký và nhận tiền. Sau đó nam thanh niên chở P về nhà và đưa toàn bộ số tiền cho P, nam thanh niên được P mời ăn một bát phở, ngoài ra không được hưởng lợi gì từ việc cầm cố chiếc xe đó. Toàn bộ số tiền cầm cố xe có được, P đã sử dụng vào việc trả nợ cá nhân hết.

Lần thứ tư: Ngày 15/4/2018, do không có tiền trả cho công nhân bốc vác nên P lại tiếp tục máy sinh ý định mượn xe của khách trọ đi cầm cố lấy tiền. P đến gặp và mượn chiếc xe máy Biển kiểm soát 20B1-117.xx của Đặng Triều N2 với lý do mượn đi có việc, do tin tưởng P nên N2 đồng ý. Sau khi có được xe, chiều tối cùng ngày. P tiếp tục gọi một nam thanh niên khách thuê trọ (không biết họ tên, địa chỉ) đi cùng đến hiệu cầm đồ I để cầm cố chiếc xe với giá 5.000.000 đồng. Hình thức giao dịch cũng như lần trước, P là người trực tiếp giao dịch, còn nam thanh niên là người ký hợp đồng cầm cố và nhận tiền, Xong việc, P và nam thanh niên bắt xe khách về khu trọ tại thị trấn L. Sau đó, nam thanh niên đưa toàn bộ số tiền cầm xe được cho P.

Ngày 18/4/2018, sau khi nhận đơn trình báo của Hoàng Tồn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng đến hiệu cầm đồ I làm việc và tạm giữ 04 chiếc xe máy cùng toàn bộ giấy tờ xe để phục vụ công tác điều tra.

Tại các Bản kết luận định giá số: 08, 09, 10, 11/KL-ĐG ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn vàng - đen BKS 11M1-021.xx có giá trị là: giá trị là 7.150.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, màu sơn trắng-bạc-đen BKS 97B1-337.xx có giá trị là: 8.700.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, màu sơn đỏ-bạc BKS 20B1-117.xx có giá trị: 4.000.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn vàng-đen-bạc BKS 11M1-015.xx có giá trị: 7.250.000 đồng.

Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 04 chiếc xe máy nêu trên, cũng trong tháng 4 năm 2018 do không có tiền tiêu xài cá nhân, Lại Thị P còn thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của những khách thuê trọ tại nhà của mình bằng cách tự ý lấy tiền của khách thuê trọ tin tưởng giao tiền cho P cất giữ hộ mà không trả lại cho khách. Cụ thể: Vào ngày 09/4/2018, Hoàng Văn T2 đến thuê tại nhà trọ của P để đi làm thuê bốc vác. Sau khi thuê trọ và đi làm được vài ngày thì P trực tiếp đến bảo T2 “đi làm về được tiền đưa cho cô thì cầm hộ, không sợ mất, cầm tiền đi theo Hải quan Trung Quốc lại lấy hết tiền”. T2 nghe vậy nên đưa số tiền 6.700.000 đồng cho P, P cầm một quyển sổ ra ghi tên T2 và số tiền gửi vào sổ. Sau khi nhận cầm giúp số tiền trên từ T2, do không có tiền tiêu sài, P đã tự ý lấy số tiền trên đi tiêu sài cho mục đích cá nhân hết dẫn đến không còn khả năng trả lại cho T2.

Ngày 22/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H (nay là huyện Q), Cao Bằng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lại Thị P về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Sau khi hành vi bị phát hiện và do lo sợ nên P đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Quá trình xác minh tại nơi cư trú, P không có mặt tại địa P, gia đình và chính quyền địa P nơi cư trú không biết P đi đâu làm gì. Ngày 07/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng ra quyết định truy nã đối với Lại Thị P. Ngày 20/7/2018, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Lại Thị P. Ngày 07/4/2021, P bị Công an thị trấn Đ, Thành phố Hà Nội bắt người trong trường hợp truy nã. Ngày 08/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra quyết định đình nã đối với P đồng thời phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với Lại Thị P.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKSQH ngày 22/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lại Thị P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2021/HS-ST ngày 16/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt: **Lại Thị P 18 (mười tám) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**

- Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt **Lại Thị P 08 (tám) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, bị cáo Lại Thị P phải chịu hình phạt chung đối với cả hai tội là **26 (hai mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/4/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm cũng đã quyết định phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của vụ án và buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2021, bị cáo Lại Thị P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Lại Thị P thừa nhận hành vi của bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Nội dung bản án sơ thẩm quy kết là đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt để bị cáo sớm được trở về vì hiện nay bị cáo không có nhà, chồng già yếu ốm đau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Bị cáo Lại Thị P gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của bị hại là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lại Thị P về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lại Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q.

Bị cáo Lại Thị P không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lại Thị P có đơn kháng cáo; xét đơn kháng cáo của bị cáo viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; các kết luận giám định tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Từ ngày 03 đến ngày 15 tháng 4 năm 2018, bị cáo Lại Thị P đã sử dụng thủ đoạn gian dối để Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 04 xe mô tô của khách thuê trọ tại nhà ở của mình rồi đem đi cầm đồ tại hiệu cầm đồ Tuấn Trinh lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể:

Xe mô tô biển kiểm soát 97B1-337.xx của anh Hoàng Tồn N có giá trị: 8.700.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 11M1-015.xx của Phùng Cò Ton có giá trị: 7.250.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 11M1-021.xx của Triệu Văn E có giá trị là 7.150.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 20B1-117.xx của Đặng Triều N2 có giá trị: 4.000.000 đồng. Tổng giá trị 04 xe mô tô mà P đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là: 27.100.000 đồng.

Ngoài ra, trong tháng 4/2018, Lại Thị P còn thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn T2 là khách thuê trọ tại nhà của P với số tiền là 6.700.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo Lại Thị P về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lại Thị P:

Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lại Thị P: 18 (mười tám) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 08 (tám) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Lại Thị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lại Thị P không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lại Thị P, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2021/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lại Thị P: **18 (mười tám)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lại Thị P: **08 (tám)** tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo Lại Thị P phải chịu là: **26 (hai mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2021.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lại Thị P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa